

Số: 21 /2018/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 19 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định việc chuyển giao, tiếp nhận
các dự án hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình 1137/TTr -SXD ngày 11 tháng 4 năm 2018 và Công văn giải trình số 2326/BC-SXD ngày 16 tháng 7 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định việc chuyển giao, tiếp nhận các dự án hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Bình Dương”.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng hướng dẫn thực hiện quy định việc chuyển giao, tiếp nhận các dự án hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo đúng quy định của pháp luật và Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2018. Quyết định



này thay thế Quyết định số 40/2011/QĐ-UBND ngày 04/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định việc chuyển giao, tiếp nhận hàng kỹ thuật các dự án khu đô thị, khu nhà ở trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Bình Dương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Bộ Xây dựng;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Sở Tư pháp; (2)
- TT công báo, Website Bình Dương;
- Như Điều 4;
- LĐVP, Km, TH;
- Lưu VT. 7 AA

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Liêm

QUY ĐỊNH

**Việc chuyển giao, tiếp nhận các dự án
hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Bình Dương**
(Ban hành kèm theo Quyết định số ..21../2018/QĐ-UBND
ngày 19... tháng ..7... năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về điều kiện, trách nhiệm giữa các đơn vị có liên quan, đơn vị chủ trì thực hiện việc chuyển giao, tiếp nhận các dự án hạ tầng kỹ thuật, hệ thống hạ tầng kỹ thuật các dự án khu đô thị, khu nhà ở trên địa bàn tỉnh Bình Dương (riêng hệ thống thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng; nhà tang lễ, nghĩa trang nhân dân các cấp không thuộc đối tượng điều chỉnh của quy định này).

2. Quy định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước tham gia công tác chuyển giao, tiếp nhận, quản lý các dự án hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật gồm: Công trình giao thông, thông tin liên lạc, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình khác.

2. Hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Công trình y tế, văn hóa, giáo dục, thể thao, thương mại, dịch vụ công cộng, cây xanh, công viên và công trình khác.

3. Dự án đầu tư xây dựng là tập hợp các đề xuất có liên quan đến việc sử dụng vốn để tiến hành hoạt động xây dựng để xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo công trình xây dựng nhằm phát triển, duy trì, nâng cao chất lượng công trình hoặc sản phẩm, dịch vụ trong thời hạn và chi phí xác định. Ở giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư xây dựng, dự án được thể hiện thông qua Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

4. Dự án đầu tư xây dựng nhà ở: Là tổng hợp các đề xuất có liên quan đến việc sử dụng vốn để xây dựng mới nhà ở, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phục vụ nhu cầu ở hoặc để cải tạo, sửa chữa nhà ở trên một địa điểm nhất định.

5. Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị: Là dự án đầu tư xây dựng các công trình (có thể bao gồm: Nhà ở, hạ tầng kỹ thuật, công trình công cộng, ...) trên một khu đất

được giao trong khu vực phát triển đô thị theo quy hoạch cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chủ đầu tư xây dựng (sau đây gọi là chủ đầu tư) là cơ quan, tổ chức, cá nhân sở hữu vốn, vay vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng

7. Chủ đầu tư cấp 1: Chủ đầu tư cấp 1 là chủ đầu tư được Nhà nước giao thực hiện dự án đầu tư phát triển đô thị, chủ đầu tư cấp 1 có thể là:

- a) Các cơ quan quản lý Nhà nước có chức năng.
- b) Ban quản lý khu vực phát triển đô thị; các Ban quản lý đầu tư xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao.
- c) Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hợp tác xã.
- d) Các tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

8. Chủ đầu tư thứ cấp là chủ đầu tư cấp 2 hoặc chủ đầu tư các cấp tiếp theo tham gia đầu tư vào dự án đầu tư phát triển đô thị thông qua việc thuê, giao hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng thuộc dự án đầu tư phát triển đô thị để đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Mức độ hoàn thành dự án để chuyển giao và tiếp nhận

Tất cả các dự án hạ tầng kỹ thuật phải hoàn thành theo dự án được duyệt; hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu của các dự án khu đô thị, khu nhà ở phải hoàn thành theo quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng được duyệt; hết thời gian bảo hành theo quy định (trừ những trường hợp có cam kết, giải trình của Chủ đầu tư về tiến độ hoàn thiện các hạng mục còn lại, có sự đồng ý bằng văn bản của đơn vị tiếp nhận trước khi bàn giao cho đơn vị tiếp nhận).

1. Mức độ hoàn thành dự án đủ cơ sở để đề nghị được chuyển giao, tiếp nhận các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khi chủ đầu tư đã thực hiện xong các nội dung sau:

a) Các dự án được thực hiện việc chuyển giao và tiếp nhận bao gồm: Một khu vực gồm nhiều dự án, một dự án hoặc một phần trong dự án; có thể là các hạng mục hạ tầng kỹ thuật riêng lẻ trong dự án nhưng vẫn đảm bảo về sự kết nối các hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực xung quanh.

b) Phải đảm bảo đã thi công các hạng mục hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hoàn thành đúng theo quy hoạch chi tiết, dự án, thiết kế kỹ thuật được cấp thẩm quyền phê duyệt, đặc biệt là các hạng mục hạ tầng kỹ thuật thiết yếu thuộc hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: Đường giao thông, các tuyến cấp điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước.

2. Đối với các dự án tại thời điểm Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng có

hiệu lực thi hành (kể từ ngày 01/7/2015), Các dự án hạ tầng kỹ thuật phải được các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành (Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu giai đoạn thi công, kiểm công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng và các quy định chuyên ngành khác có liên quan.

3. Đối với các dự án chuyên tiếp do thiếu một số nội dung về pháp lý triển khai dự án, mức độ hoàn thành dự án quy định tại Khoản 1 Điều này; tùy từng trường hợp cụ thể cơ quan chủ trì công tác bàn giao các hạng mục hạ tầng kỹ thuật sẽ yêu cầu chủ đầu tư cần bổ sung hồ sơ bản vẽ hiện trạng hoàn thành hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, hồ sơ kiểm định xây dựng (nếu có yêu cầu); trường hợp vượt quá thẩm quyền, đơn vị chủ trì có văn bản xin ý kiến về mặt chuyên môn đối với Sở Xây dựng.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VIỆC CHUYỂN GIAO, TIẾP NHẬN CÁC HẠNG MỤC HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỦA DỰ ÁN

Điều 4. Cơ quan đầu mối tiếp nhận yêu cầu chuyển giao

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (viết tắt Ủy ban nhân dân huyện) là cơ quan đầu mối tiếp nhận yêu cầu chuyển giao; chỉ đạo phòng chuyên môn về xây dựng chủ trì tổ chức thực hiện công tác chuyển giao và tiếp nhận các hạng mục hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư theo dự án, hoặc theo quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng được duyệt; sau đó phòng chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định chuyển giao, tiếp nhận khi đủ điều kiện chuyển giao, tiếp nhận.

Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng về công tác chuyển giao và tiếp nhận các hạng mục hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật; trường hợp có khó khăn, vướng mắc Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Điều 5. Điều kiện để chuyển giao, tiếp nhận các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Việc chuyển giao, tiếp nhận các hạng mục hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chỉ được thực hiện khi đảm bảo mức độ hoàn thành dự án quy định tại Điều 3 của Quy định này, các yêu cầu điều kiện theo quy định của pháp luật và tại Quy định này.

2. Việc chuyển giao, tiếp nhận có thể thực hiện cho cả các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật theo dự án, theo quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp dự án có các dự án thành phần và không ảnh hưởng đến việc kết nối các hạng mục với nhau, đảm bảo đầu tư các hạng mục hạ tầng kỹ thuật thiết yếu như: Đường giao thông, cấp - thoát nước, xử lý nước thải, cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, cây xanh ven đường và cây xanh tập trung thì được

phép chuyên giao, tiếp nhận theo từng hạng mục hạ tầng kỹ thuật theo dự án thành phần nhưng phải đảm bảo tính đồng bộ các hạng mục hạ tầng kỹ thuật bố trí theo quy hoạch chi tiết hoặc dự án được duyệt trước khi chuyên giao, tiếp nhận, khai thác, vận hành.

3. Trường hợp khi thực hiện dự án, triển khai thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết hoặc dự án được duyệt đã xác định được bên nhận chuyên giao (như: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Công ty Điện lực Bình Dương, Viễn thông Bình Dương, Công ty cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương,...) thì các chủ đầu tư dự án có thể mời các đơn vị sẽ nhận chuyên giao tham gia trong quá trình thi công nhằm đảm bảo công tác quản lý chất lượng và nghiệm thu công trình trong giai đoạn xây dựng đến khi chuyên giao, tiếp nhận, khai thác, vận hành.

4. Chủ đầu tư thực hiện phối hợp với các đơn vị cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị như: Cấp điện, nước và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác có liên quan để chủ đầu tư cấp 2 xây dựng công trình theo nội dung của dự án được duyệt; tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy hoạch, kiến trúc thuộc phạm vi dự án; quản lý và bảo trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án trước khi chuyên giao, tiếp nhận.

5. Chủ đầu tư phải lập kế hoạch thực hiện việc chuyên giao, tiếp nhận các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội và công trình khác (nếu có); đồng thời chịu trách nhiệm về chất lượng và bảo hành công trình chuyên giao theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Bên tiếp nhận có trách nhiệm quản lý khai thác công trình theo đúng công năng sử dụng; đồng thời thực hiện bảo trì công trình theo đúng quy trình và theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 6. Các bước thực hiện việc chuyên giao, tiếp nhận các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật

- Sau khi xác định mức độ hoàn thành dự án theo quy định tại Điều 3 của Quy định này, Chủ đầu tư gửi văn bản (theo Bảng mẫu thống kê công trình đã hoàn thành, đưa vào sử dụng theo hướng dẫn tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này) đề nghị việc chuyên giao, tiếp nhận các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án (cơ quan đầu mối tiếp nhận) theo quy định tại Điều 4 của Quy định này để được xem xét, tổ chức kiểm tra, giải quyết theo quy định;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án thành lập Đoàn kiểm tra; xây dựng nội dung kiểm tra và tổ chức kiểm tra theo nội dung kiểm tra; yêu cầu thực hiện các nội dung đảm bảo theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định tiếp nhận đối với các dự án đạt yêu cầu.

Điều 7. Thành phần Đoàn kiểm tra và nội dung kiểm tra

Sau khi tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đảm bảo các điều kiện để tổ chức kiểm tra cơ quan đầu mối tiếp nhận có trách nhiệm tổ chức Đoàn kiểm tra để xem xét hồ sơ

pháp lý và tiến hành khảo sát hiện trạng của dự án đề nghị được chuyển giao, tiếp nhận; với thành phần và nội dung như sau:

1. Thành phần Đoàn kiểm tra

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan đầu mối tiếp nhận, đơn vị chủ trì, Trưởng đoàn tiếp nhận

b) Mời đại diện các sở, ngành tham dự: Sở Xây dựng; Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đề nghị bàn giao (Sở Giao thông Vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,...).

c) Đại diện Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi có dự án.

d) Đại diện các đơn vị có liên quan đến dự án hạ tầng kỹ thuật tiếp nhận theo lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đề nghị bàn giao sẽ trực tiếp quản lý khai thác, sử dụng.

đ) Người đại diện pháp luật của Chủ đầu tư dự án.

2. Nội dung kiểm tra

Chủ đầu tư có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, phương tiện cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp tốt với Đoàn kiểm tra. Nội dung kiểm tra chủ yếu gồm:

a) Kiểm tra sự tuân thủ các nội dung pháp lý của dự án theo quy định tại các thời điểm triển khai dự án.

b) Kiểm tra sự phù hợp giữa hồ sơ chất lượng của danh mục công trình đề nghị được chuyển giao, tiếp nhận trong dự án so với thực tế.

c) Kiểm tra một số nội dung cần thiết khác khi đoàn kiểm tra phát hiện và yêu cầu thực hiện.

Điều 8. Báo cáo, xử lý sau kiểm tra

Kết quả sau kiểm tra phải được cơ quan chủ trì lập thành Biên bản kiểm tra hiện trạng; Biên bản kiểm tra hiện trạng phải thể hiện rõ nội dung đạt và không đạt yêu cầu; nhận xét, kết luận và kiến nghị; đồng thời phải có đủ chữ ký các thành viên trong Đoàn kiểm tra.

1. Trường hợp kết quả kiểm tra đủ điều kiện tiếp nhận hoặc chưa đạt theo yêu cầu để chuyển giao, tiếp nhận:

- Trường hợp kết quả kiểm tra đủ điều kiện tiếp nhận: Đơn vị chủ trì có văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định tiếp nhận.

- Trường hợp kết quả kiểm tra chưa hoàn thiện theo yêu cầu để chuyển giao, tiếp nhận: Sau khi Chủ đầu tư có văn bản báo cáo đã khắc phục xong, đơn vị chủ trì có văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định tiếp nhận.

2. Trường hợp kết quả kiểm tra chưa đủ điều kiện tiếp nhận: Đơn vị chủ trì có văn bản yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện theo các yêu cầu của đơn vị tiếp nhận; trường hợp vượt quá thẩm quyền thì đơn vị chủ trì có trách nhiệm xin ý kiến về mặt chuyên



môn đối với Sở Xây dựng trước khi tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tiếp nhận.

3. Trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu để chuyển giao, tiếp nhận: Đơn vị chủ trì có văn bản yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện theo các yêu cầu của đơn vị tiếp nhận và xem xét tiếp nhận khi đạt yêu cầu; nếu Chủ đầu tư không thực hiện thì không tiếp nhận và có văn bản báo cáo Sở Xây dựng xem xét xử lý từng trường hợp cụ thể.

4. Đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật của khu đô thị, khu nhà ở chưa đảm bảo hồ sơ pháp lý dự án trước ngày Luật Xây dựng 2014 có hiệu lực thi hành (kể từ ngày 01/01/2015); chưa đảm bảo về hồ sơ quản lý chất lượng trong quá trình thi công xây dựng hoặc có nghi ngờ về chất lượng công trình: Đơn vị chủ trì có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở quản lý xây dựng công trình chuyên ngành theo chức năng nhiệm vụ được phân công (Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...) có văn bản chỉ định đơn vị tư vấn kiểm định (hoặc đề nghị Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn chuyên ngành kiểm định xây dựng) và đề xuất giải pháp khắc phục, sửa chữa (chi phí kiểm định sẽ do chủ đầu tư chi trả) phục vụ công tác chuyển giao, tiếp nhận trước khi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiếp nhận.

5. Đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật của khu đô thị, khu nhà ở chưa đảm bảo hồ sơ pháp lý dự án sau ngày Luật Xây dựng 2014 có hiệu lực thi hành (kể từ ngày 01/01/2015) phải hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại thời điểm triển khai đầu tư xây dựng; dự án chưa đảm bảo về hồ sơ quản lý chất lượng trong quá trình thi công xây dựng hoặc có nghi ngờ về chất lượng công trình: Đơn vị chủ trì có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở quản lý công trình chuyên ngành theo chức năng nhiệm vụ được phân công (Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...) có văn bản chỉ định đơn vị tư vấn kiểm định (hoặc đề nghị Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn chuyên ngành kiểm định xây dựng) và đề xuất giải pháp khắc phục, sửa chữa (chi phí kiểm định sẽ do chủ đầu tư chi trả) phục vụ công tác chuyển giao, tiếp nhận trước khi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiếp nhận.

CHƯƠNG III

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Quyền và trách nhiệm của các bên đối với công trình hạ tầng kỹ thuật được chuyển giao, tiếp nhận

1. Chủ đầu tư

a) Tất cả các dự án khi chưa được bàn giao về cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thì chủ đầu tư phải tổ chức đầu tư, quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng đảm bảo theo quy định pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình.

b) Trong thời gian bảo hành công trình xây dựng, nếu phát hiện tình trạng hư hỏng phải kịp thời khắc phục và có văn bản báo cáo hoàn thành công tác bảo hành

công trình.

c) Thực hiện theo các nội dung yêu cầu của Đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra.

d) Tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng, hồ sơ bảo trì công trình; tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình xây dựng, thực hiện bảo trì công trình xây dựng đảm bảo về trình tự thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Có trách nhiệm tiếp nhận các dự án, hạng mục hạ tầng kỹ thuật do Chủ đầu tư bàn giao. Sau đó, giao cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý khai thác, vận hành các hạng mục hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và triển khai thực hiện bảo trì theo quy trình bảo trì công trình xây dựng.

b) Xây dựng kế hoạch, bố trí vốn (hoặc kiến nghị bố trí vốn) định kỳ, hàng năm nhằm đảm bảo triển khai tốt công tác quản lý vận hành, duy tu, bảo dưỡng đối với các dự án, các hạng mục hạ tầng kỹ thuật được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiếp nhận.

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện chuyển giao, tiếp nhận hệ thống hạ tầng kỹ thuật

1. Sở Xây dựng là đơn vị đầu mối: Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện chuyển giao, tiếp nhận các hạng mục hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật trên toàn địa bàn tỉnh; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án chưa đảm bảo về hồ sơ pháp lý, quản lý chất lượng công trình; trường hợp vượt quá thẩm quyền sẽ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét từng trường hợp cụ thể.

2. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo chức năng nhiệm vụ được phân công (Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...) cùng phối hợp với đơn vị chủ trì khi được đề nghị tham gia Đoàn kiểm tra.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện là Trưởng đoàn kiểm tra theo quy định tại Điều 7 của Quy định này có trách nhiệm tổ chức chuyển giao, tiếp nhận các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án trên địa bàn theo đúng Quy định này.

4. Chủ đầu tư và đơn vị trực tiếp quản lý dự án: Thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư trong việc cung cấp hồ sơ có liên quan đến dự án; phối hợp cùng Đoàn kiểm tra; thực hiện bảo hành, bảo trì và các nội dung theo yêu cầu của Quy định này.

Điều 11. Kiểm tra, xử lý vi phạm

1. Quy định này được áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân cố tình thực hiện trái quy định này; hoặc gây khó khăn làm chậm trễ tiến độ chuyển giao, tiếp nhận, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các dự án đã triển khai theo quy hoạch chi tiết nhưng chưa thực hiện đúng về trình tự đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở theo quy định tại thời điểm

triển khai dự án có yêu cầu phải thực hiện các thủ tục pháp lý của dự án, sẽ được xem xét xử lý vi phạm theo quy định pháp luật hiện hành; trước khi hoàn tất các thủ tục đề nghị chuyển giao, tiếp nhận các hạng mục hạ tầng kỹ thuật về cho đơn vị quản lý.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến việc quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; cùng phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ của từng ngành, từng cấp trong từng lĩnh vực cụ thể của Quy định này.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ quản lý trực tiếp việc khai thác sử dụng, vận hành và bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị theo Quy định này có trách nhiệm phối hợp, tổ chức quản lý, vận hành bảo đảm thống nhất, đồng bộ và có hiệu quả.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này nếu gặp khó khăn, vướng mắc; các cá nhân và tổ chức có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm

Phụ lục

MẪU THÔNG KÊ CÔNG TRÌNH ĐÃ HOÀN THÀNH, ĐƯA VÀO SỬ DỤNG
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 21.../2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)



1. Hệ thống giao thông

| Tên | Theo hồ sơ quy hoạch | | | | Theo hồ sơ thiết kế | | | | Theo hồ sơ hoàn công | | | | Ghi chú |
|--------------------|---------------------------------------|------------------------------|------------------------|--------------------------------|---------------------------------------|------------------------------|------------------------|--------------------------------|---------------------------------------|------------------------------|------------------------|--------------------------------|---------|
| | Chiều dài (m) | Chiều rộng mặt cắt ngang (m) | Kết cấu mặt đường, cầu | Kết cấu mặt vỉa hè, lề bộ hành | Chiều dài (m) | Chiều rộng mặt cắt ngang (m) | Kết cấu mặt đường, cầu | Kết cấu mặt vỉa hè, lề bộ hành | Chiều dài (m) | Chiều rộng mặt cắt ngang (m) | Kết cấu mặt đường, cầu | Kết cấu mặt vỉa hè, lề bộ hành | |
| Đường... | | | | | | | | | | | | | |
| Đường... | | | | | | | | | | | | | |
| Đường... | | | | | | | | | | | | | |
| Đường... | | | | | | | | | | | | | |
| Cầu, cống ngang... | | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng | L = ...m; S = ...m² | | | | L = ...m; S = ...m² | | | | L = ...m; S = ...m² | | | | |

2. Hệ thống thoát nước:

| Tên đường | Theo hồ sơ quy hoạch | | | | Theo hồ sơ thiết kế | | | | Theo hồ sơ hoàn công | | | | Ghi chú |
|-----------|-------------------------|---------------|-------------------------------|---------------|-------------------------|---------------|-------------------------------|---------------|-------------------------|------------|-------------------------------|------------|---------|
| | Hệ thống thoát nước mặt | | Hệ thống thoát nước sinh hoạt | | Hệ thống thoát nước mặt | | Hệ thống thoát nước sinh hoạt | | Hệ thống thoát nước mặt | | Hệ thống thoát nước sinh hoạt | | |
| | Số lượng giếng thu | Kích thước và | Số lượng | Kích thước và | Số lượng | Kích thước và | Số lượng | Kích thước và | Số lượng | Kích thước | Số lượng | Kích thước | |
| | | | | | | | | | | | | | |



| | giếng thu | chiều dài công | giếng thu | chiều dài công | giếng thu | chiều dài công | giếng thu | chiều dài công | giếng thu | và chiều dài công | giếng thu | và chiều dài công | |
|-----------|-----------|----------------|-----------|----------------|-----------|----------------|-----------|----------------|-----------|-------------------|-----------|-------------------|--|
| Đường... | ...cái | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | |
| Đường... | ...cái | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | |
| Đường... | ...cái | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | |
| ... | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng | ...cái | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | |

3. Hệ thống cây xanh:

| Tên đường | Theo hồ sơ quy hoạch | | | Theo hồ sơ thiết kế | | | Theo hồ sơ hoàn công | | | Ghi chú |
|-----------|----------------------|--------------|-------------------------------------|---------------------|--------------|-------------------------------------|----------------------|--------------|-------------------------------------|---------|
| | Chủng loại cây | Số lượng cây | Diện tích thảm cỏ (m ²) | Chủng loại cây | Số lượng cây | Diện tích thảm cỏ (m ²) | Chủng loại cây | Số lượng cây | Diện tích thảm cỏ (m ²) | |
| Đường... | | | | | | | | | | |
| Đường... | | | | | | | | | | |
| Đường... | | | | | | | | | | |
| Đường... | | | | | | | | | | |



| | | | | | | | | | | | | | |
|-----------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| Đường | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |

4. Hệ thống chiếu sáng:

| Tên đường | Theo hồ sơ quy hoạch | | | | Theo hồ sơ thiết kế | | | | Theo hồ sơ hoàn công | | | | Ghi chú |
|-----------|----------------------|------------------------------|-------------------------|----------------------------|---------------------|------------------------------|-------------------------|----------------------------|----------------------|------------------------------|-------------------------|----------------------------|---------|
| | Số lượng trụ đèn | Khoảng cách, cách bố trí đèn | Loại đèn, công suất đèn | Chiều cao, cách bố trí đèn | Số lượng trụ đèn | Khoảng cách, cách bố trí đèn | Loại đèn, công suất đèn | Chiều cao, cách bố trí đèn | Số lượng trụ đèn | Khoảng cách, cách bố trí đèn | Loại đèn, công suất đèn | Chiều cao, cách bố trí đèn | |
| Đường... | ... trụ | ...m | ...; ...W | ...m; | ... trụ | ...m | ; ...W | ...m: | ... trụ | ...m | ; ...W | ...m; | |
| Đường... | ... trụ | ...m | ...; ...W | ...m; | ... trụ | ...m | ; ...W | ...m: | ... trụ | ...m | ; ...W | ...m; | |
| Đường... | ... trụ | ...m | ...; ...W | ...m; | ... trụ | ...m | ; ...W | ...m: | ... trụ | ...m | ; ...W | ...m; | |
| Đường... | ... trụ | ...m | ...; ...W | ...m; | ... trụ | ...m | ; ...W | ...m: | ... trụ | ...m | ; ...W | ...m; | |
| Đường... | ... trụ | ...m | ...; ...W | ...m; | ... trụ | ...m | ; ...W | ...m: | ... trụ | ...m | ; ...W | ...m; | |



| | | | | | | | | | | | | |
|-----------|------|--------------|-------|---------|------|--------|-------|---------|------|--------|-------|--|
| Công | ...m | ...; ...W | ...m; | ... trụ | ...m | ; ...W | ...m: | ... trụ | ...m | ; ...W | ...m; | |
| Tổng cộng | ...m | ...; ...W | ...m; | ... trụ | ...m | ; ...W | ...m: | ... trụ | ...m | ; ...W | ...m; | |

5. Hệ thống cấp nước và chữa cháy:

| Tên đường | Theo hồ sơ quy hoạch | | | | Theo hồ sơ thiết kế | | | | Theo hồ sơ hoàn công | | | | Ghi chú |
|-----------|-----------------------|------------------------------|----------------------|-------------------------------------|-----------------------|------------------------------|----------------------|-------------------------------------|-----------------------|------------------------------|----------------------|-------------------------------------|---------|
| | Hệ thống cấp nước | | Hệ thống chữa cháy | | Hệ thống cấp nước | | Hệ thống chữa cháy | | Hệ thống cấp nước | | Hệ thống chữa cháy | | |
| | Số lượng đồng hồ nước | Kích thước và chiều dài cống | Số lượng trụ cứu hỏa | Đường kính, khoảng cách trụ cứu hỏa | Số lượng đồng hồ nước | Kích thước và chiều dài cống | Số lượng trụ cứu hỏa | Đường kính, khoảng cách trụ cứu hỏa | Số lượng đồng hồ nước | Kích thước và chiều dài cống | Số lượng trụ cứu hỏa | Đường kính, khoảng cách trụ cứu hỏa | |
| Đường... | ...cái | Ø...: ...m | ...trụ | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...trụ | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...trụ | Ø...: ...m | |
| Đường... | ...cái | Ø...: ...m | ...trụ | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...trụ | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...trụ | Ø...: ...m | |
| Đường... | ...cái | Ø...: ...m | ...trụ | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...trụ | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...trụ | Ø...: ...m | |
| Tổng cộng | ...cái | Ø...: ...m | ...trụ | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...trụ | Ø...: ...m | ...cái | Ø...: ...m | ...trụ | Ø...: ...m | |

6. Hệ thống cấp điện:



| Tên đường | Theo hồ sơ quy hoạch | | | Theo hồ sơ thiết kế | | | | Theo hồ sơ hoàn công | | | | Ghi chú | |
|-----------|----------------------|----------------------------|-------------------------------------|---------------------|-----------------------|----------------------------|-------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------------|-------------------------------------|---------------|--|
| | Số trạm biến áp | Số lượng trụ điện, tủ điện | Cách bố trí dây (ngầm hay trên cao) | Nguồn điện cấp | Số lượng trạm biến áp | Số lượng trụ điện, tủ điện | Cách bố trí dây (ngầm hay trên cao) | Nguồn điện cấp | Số lượng trạm biến áp | Số lượng trụ điện, tủ điện | Cách bố trí dây (ngầm hay trên cao) | | |
| Đường... | ... vol | ... cái | ...trụ:...cái | ... vol | ... cái | ...trụ:...cái | ... vol | ... cái | ...trụ:...cái | ... vol | ... cái | ...trụ:...cái | |
| Đường... | ... vol | ... cái | ...trụ:...cái | ... vol | ... cái | ...trụ:...cái | ... vol | ... cái | ...trụ:...cái | ... vol | ... cái | ...trụ:...cái | |
| Đường... | ... vol | ... cái | ...trụ:...cái | ... vol | ... cái | ...trụ:...cái | ... vol | ... cái | ...trụ:...cái | ... vol | ... cái | ...trụ:...cái | |
| Tổng cộng | ... vol | ... cái | ...trụ:...cái | ... vol | ... cái | ...trụ:...cái | ... vol | ... cái | ...trụ:...cái | ... vol | ... cái | ...trụ:...cái | |

7. Hệ thống xử lý nước thải:

| Hạng mục | Theo hồ sơ quy hoạch | | Theo hồ sơ thiết kế | | Theo hồ sơ hoàn công | | Ghi chú |
|-------------------------|----------------------|--------------------------|---------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|---------|
| | Công suất (m3/ngđ) | Kích thước B (m) x H (m) | Công suất (m3/ngđ) | Kích thước B (m) x H (m) | Công suất (m3/ngđ) | Kích thước B (m) x H (m) | |
| Trạm bơm | | | | | | | |
| Trạm xử lý nước thải | | | | | | | |
| Nhà máy xử lý nước thải | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| Tổng cộng | Q = ...m3/ngđ | B =...m, H=...m | Q = ...m3/ngđ | B =...m, H=...m | Q = ...m3/ngđ | B =...m, H=...m | |